



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11 tháng 3 năm 2002
	0103018927	ngày 8 tháng 8 năm 2007
	0101217009	ngày 25 tháng 5 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	0101217009	ngày 4 tháng 11 năm 2010
--------------------------------	------------	--------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, và lần sửa đổi, bổ sung gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101217009 ngày 25 tháng 7 năm 2016. Các giấy chứng nhận đăng ký trên và các bản sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Hoạt động Chi nhánh

0101217009-001	ngày 8 tháng 5 năm 2014
0101217009-002	ngày 21 tháng 8 năm 2014
0101217009-007	ngày 3 tháng 10 năm 2014
0101217009-008	ngày 21 tháng 10 năm 2014
0101217009-009	ngày 13 tháng 11 năm 2014
0101217009-010	ngày 24 tháng 11 năm 2014
0101217009-011	ngày 8 tháng 12 năm 2014
0101217009-012	ngày 5 tháng 3 năm 2015
0101217009-013	ngày 13 tháng 8 năm 2015
0101217009-014	ngày 29 tháng 9 năm 2015
0101217009-015	ngày 26 tháng 10 năm 2015
0101217009-016	ngày 5 tháng 11 năm 2015
0101217009-017	ngày 16 tháng 11 năm 2015
0101217009-018	ngày 1 tháng 12 năm 2015
0101217009-019	ngày 14 tháng 6 năm 2016
0101217009-020	ngày 22 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Địa điểm Kinh doanh

Mã số địa điểm kinh doanh 00010	ngày 15 tháng 7 năm 2015
Mã số địa điểm kinh doanh 00011	ngày 25 tháng 9 năm 2015
Mã số địa điểm kinh doanh 00012	ngày 2 tháng 10 năm 2015

Các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên được cấp bởi các Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh và thành phố Công ty có chi nhánh và địa điểm kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Xuân Kiên Bà Đỗ Thị Thu Hương Ông Okawa Yoshiteru Ông Noguchi Atsushi Ông Nghiêm Xuân Thắng Ông Hoàng Anh Tuấn Ông Bùi Xuân Hùng Bà Đỗ Thị Kim Liên	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Xuân Kiên Bà Đỗ Thị Thu Hương Ông Nghiêm Xuân Thắng Ông Nguyễn Tín Nhiệm	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Chi nhánh	Chi nhánh Ninh Bình 1 Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang Thành phố Ninh Bình Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	
	Chi nhánh Nam Định 107 Quốc lộ 10, Xã Lộc Hòa Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định, Việt Nam	
	Chi nhánh Bắc Ninh 33 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá Thành phố Bắc Ninh Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	
	Chi nhánh Phú Thọ 1606A Hùng Vương, Phường Gia Cẩm Thành phố Việt Trì Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	
	Chi nhánh Nghệ An 343 Lê Duẩn, Phường Trung Đô Thành phố Vinh Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	
	Chi nhánh Hải Dương Khu 15, Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão Thành phố Hải Dương Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Hải Phòng
279 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá
Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Giang
1 Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ
Thành phố Bắc Giang
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chi nhánh Thái Bình
456 Lý Bôn, Phường Đề Thám
Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Hóa
490 Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hương
Thành phố Thanh Hóa
Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Chi nhánh Vĩnh Phúc
Thôn Đôn Hậu, Phường Khai Quang
Thành phố Vĩnh Yên
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nam
Khu TM4 Quốc Lộ 1A, Phường Thanh Châu
Thành phố Phủ Lý
Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chi nhánh Quảng Ninh
Tổ 5, Khu Hòa Lạc, Phường Cẩm Bình
Thành phố Cẩm Phá
Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Lạng Sơn
Tổ 4, Khối 5, Thị trấn Cao Lộc
Huyện Cao Lộc
Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chi nhánh Yên Bái
319 Nguyễn Thái Học, Tổ 69, Phường Nguyễn Thái Học
Thành phố Yên Bái
Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng
727 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung
Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”)
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, được trình bày từ trang 7 đến trang 34, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 15 -08- 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-017-R-2016



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		744.412.752.105	785.679.655.952
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	51.714.979.211	70.832.177.821
Tiền	111		23.051.191.707	42.778.352.822
Các khoản tương đương tiền	112		28.663.787.504	28.053.824.999
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		308.387.500	300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	308.387.500	300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.995.893.738	14.670.398.946
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.212.359.843	3.316.781.754
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.991.465.537	7.163.010.854
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.792.068.358	4.190.606.338
Hàng tồn kho	140	6	598.611.539.299	623.302.230.250
Hàng tồn kho	141		604.838.573.086	629.529.264.037
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.227.033.787)	(6.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.781.952.357	76.574.848.935
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	36.270.050.960	28.011.951.035
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	37.500.359.689	48.208.111.360
Tài sản ngắn hạn khác	155		11.541.708	354.786.540

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		177.352.207.587	153.166.997.586
Các khoản phải thu dài hạn	210		49.257.710.644	42.167.873.144
Phải thu dài hạn khác	216	7	49.257.710.644	42.167.873.144
Tài sản cố định	220		81.068.339.569	63.133.732.500
Tài sản cố định hữu hình	221	8	78.345.132.345	60.202.235.348
Nguyên giá	222		112.848.425.259	85.019.621.116
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.503.292.914)	(24.817.385.768)
Tài sản cố định vô hình	227	9	2.723.207.224	2.931.497.152
Nguyên giá	228		5.908.280.981	5.300.780.981
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.185.073.757)	(2.369.283.829)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.233.843.178	19.117.583.763
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	11.233.843.178	19.117.583.763
Tài sản dài hạn khác	260		35.792.314.196	28.747.808.179
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	35.792.314.196	28.747.808.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		921.764.959.692	938.846.653.538

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		638.376.381.932	651.508.361.897
Nợ ngắn hạn	310		638.376.381.932	651.508.361.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311		334.675.937.462	314.840.298.102
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.059.908.877	5.926.718.796
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(a)	2.500.260.972	777.286.536
Phải trả người lao động	314		13.976.154.065	18.284.917.788
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	13.310.443.991	5.326.215.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	31.872.128.470	5.345.095.982
Vay ngắn hạn	320	15	234.951.430.342	300.948.100.232
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	16	30.117.753	59.728.611
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		283.388.577.760	287.338.291.641
Vốn chủ sở hữu	410	17	283.388.577.760	287.338.291.641
Vốn góp cổ phần	411	18	249.149.910.000	226.594.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.149.910.000	226.594.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.214.258.963	29.769.848.963
Cổ phiếu quỹ	415	18	(2.333.755.096)	(2.333.755.096)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	10.082.930.218	10.082.930.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.275.233.675	23.224.947.556
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		668.129.556	8.637.882.524
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.607.104.119	14.587.065.032
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		921.764.959.692	938.846.653.538

15 -08- 2016

Người lập:



Lưu Văn Lam
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	2.249.733.423.258	1.695.623.328.872
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	9.002.825.704	22.864.201.456
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	22	2.240.730.597.554	1.672.759.127.416
Giá vốn hàng bán	11		2.006.653.936.264	1.500.870.126.152
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		234.076.661.290	171.889.001.264
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.095.743.963	976.920.450
Chi phí tài chính	22		6.102.304.377	2.704.700.271
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.102.304.377	2.704.700.271
Chi phí bán hàng	25	24	184.550.511.879	139.748.663.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	21.838.320.761	20.158.441.123
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.681.268.236	10.254.116.599
Thu nhập khác	31	26	979.047.102	6.704.351.417
Chi phí khác	32	27	306.084.173	3.325.757.089
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		672.962.929	3.378.594.328
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.354.231.165	13.632.710.927

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.354.231.165	13.632.710.927
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.747.127.046	3.015.118.391
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		18.607.104.119	10.617.592.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (điều chỉnh lại)	70	30	750	428

15 -08- 2016

Người lập:

Lưu Văn Lam
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng	01		2.462.869.542.301	1.836.239.211.075
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.287.661.716.739)	(1.752.901.932.581)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(78.951.580.738)	(59.410.725.631)
Tiền lãi vay đã trả	04		(6.144.826.817)	(2.739.945.725)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.048.111.925)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.918.034.473	14.085.778.262
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.994.132.988)	(12.399.538.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		69.987.207.567	22.872.847.289
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(24.152.400.932)	(20.974.745.974)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.604.970.030
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(8.387.500)	(6.114.082.406)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24		-	19.588.126.850
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.053.052.145	1.096.776.673
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.107.736.287)	(3.798.954.827)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		372.610.498.418	226.507.094.302
Tiền trả nợ gốc vay	34		(438.607.168.308)	(229.900.970.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.996.669.890)	(3.393.875.899)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(19.117.198.610)	15.680.016.563
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		70.832.177.821	28.322.516.688
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	51.714.979.211	44.002.533.251

15 -08- 2016

Người lập:



Lưu Văn Lam
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hường
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 16 chi nhánh và 2.007 nhân viên (1/1/2016: 14 chi nhánh và 2.262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
▪ nâng cấp sửa chữa siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	9.061.959.201	10.067.448.497
Tiền gửi ngân hàng	13.131.063.899	30.279.678.489
Tiền đang chuyển	858.168.607	2.431.225.836
Các khoản tương đương tiền	28.663.787.504	28.053.824.999
	<hr/>	<hr/>
	51.714.979.211	70.832.177.821

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm 15.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 15) và các điều khoản bảo lãnh ký với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2016: 15.150 triệu VND).

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trị giá 308 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo lãnh với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2016: 300 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	1.207.334.871	-	779.825.184	-
Hàng hóa	603.631.238.215	(6.227.033.787)	628.749.438.853	(6.227.033.787)
	<u>604.838.573.086</u>	<u>(6.227.033.787)</u>	<u>629.529.264.037</u>	<u>(6.227.033.787)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 87.522 triệu VND hàng hóa (1/1/2016: 91.716 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Phải thu dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp sửa chữa siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	27.771.953.392	7.263.812.772	15.482.034.078	34.501.820.874	85.019.621.116
Tăng trong kỳ	136.363.636	95.006.958	1.350.203.635	4.117.469.906	5.699.044.135
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.781.458.695	1.559.166.448	-	13.999.065.075	22.339.690.218
Xóa sổ	-	(33.425.455)	-	(176.504.755)	(209.930.210)
Số dư cuối kỳ	34.689.775.723	8.884.560.723	16.832.237.713	52.441.851.100	112.848.425.259
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6.425.538.089	2.254.596.186	5.264.559.241	10.872.692.252	24.817.385.768
Khấu hao trong kỳ	3.040.220.852	1.180.909.842	1.032.597.843	4.642.108.819	9.895.837.356
Xóa sổ	-	(33.425.455)	-	(176.504.755)	(209.930.210)
Số dư cuối kỳ	9.465.758.941	3.402.080.573	6.297.157.084	15.338.296.316	34.503.292.914
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	21.346.415.303	5.009.216.586	10.217.474.837	23.629.128.622	60.202.235.348
Số dư cuối kỳ	25.224.016.782	5.482.480.150	10.535.080.629	37.103.554.784	78.345.132.345

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 6.195 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 4.980 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	5.300.780.981
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	607.500.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.908.280.981
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.369.283.829
Khấu hao trong kỳ	815.789.928
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.185.073.757
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.931.497.152
Số dư cuối kỳ	2.723.207.224
	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 608 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	19.117.583.763	13.226.157.706
Tăng trong kỳ/năm	25.082.808.838	55.530.344.778
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.339.690.218)	(37.317.670.092)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(607.500.000)	(1.603.056.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.416.289.853)	(10.040.328.187)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(603.069.352)	(677.864.442)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	11.233.843.178	19.117.583.763
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Sửa chữa nâng cấp siêu thị	10.408.814.072	18.342.804.657
Chi phí phát triển phần mềm	825.029.106	774.779.106
	11.233.843.178	19.117.583.763

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	753.106.543	840.522.228
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị	32.081.984.048	24.403.282.934
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.434.960.369	2.768.145.873
	36.270.050.960	28.011.951.035

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	21.987.271.285	6.760.536.894	28.747.808.179
Tăng trong kỳ	11.454.982.790	1.372.321.269	12.827.304.059
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	7.542.066.502	1.874.223.351	9.416.289.853
Phân bổ trong kỳ	(11.708.912.128)	(3.476.356.224)	(15.185.268.352)
Thanh lý	(13.819.543)	-	(13.819.543)
	29.261.588.906	6.530.725.290	35.792.314.196

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Bù trừ với thuế giá trị gia tăng phải nộp VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	48.208.111.360	364.391.549.207	(375.099.300.878)	37.500.359.689

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế giá trị gia tăng được khấu trừ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	375.099.300.878	(375.099.300.878)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.086.536	4.747.127.046	-	(3.048.111.925)	2.472.101.657
Thuế thu nhập cá nhân	4.200.000	1.813.314.460	-	(1.811.261.235)	6.253.225
Khác	-	21.906.090	-	-	21.906.090
	777.286.536	381.681.648.474	(375.099.300.878)	(4.859.373.160)	2.500.260.972

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trích trước tiền điện	3.623.791.191	1.427.246.819
Trích trước chi phí thuê địa điểm	744.145.507	205.000.000
Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	6.361.500.581	1.520.291.694
Các khoản trích trước khác	2.581.006.712	2.173.677.337
	13.310.443.991	5.326.215.850

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	22.645.160.227	88.342.227
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.678.737.164	5.028.048.163
Các khoản phải trả khác	3.548.231.079	228.705.592
	31.872.128.470	5.345.095.982

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	300.948.100.232	372.610.498.418	(438.607.168.308)	234.951.430.342

Đây là các khoản vay từ ngân hàng với lãi suất từ 5,0% tới 6,7% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: từ 4,8% tới 6,6% một năm) và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn (trong các khoản tương đương tiền) (Thuyết minh 4).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	59.728.611	75.628.611
Sử dụng trong kỳ/năm	(29.610.858)	(15.900.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>30.117.753</u>	<u>59.728.611</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	8.637.882.524	272.983.044.790
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.617.592.536	10.617.592.536
Số dư tại ngày 30/6/2015	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	19.255.475.060	283.600.637.326
Số dư tại ngày 1/1/2016	226.594.320.000	29.769.848.963	(2.333.755.096)	10.082.930.218	23.224.947.556	287.338.291.641
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	18.607.104.119	18.607.104.119
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần (*)	22.555.590.000	(22.555.590.000)	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(22.556.818.000)	(22.556.818.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	249.149.910.000	7.214.258.963	(2.333.755.096)	10.082.930.218	19.275.233.675	283.388.577.760

(*) Trong kỳ, Công ty đã phát hành 2.255.559 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần. Việc phát hành này đã được các cổ đông của Công ty phê duyệt trong Đại hội cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2016.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.914.991	249.149.910.000	22.659.432	226.594.320.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	24.914.991	249.149.910.000	22.659.432	226.594.320.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(102.614)	(1.026.140.000)	(102.614)	(1.026.140.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	24.812.377	248.123.770.000	22.556.818	225.568.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, tổng số vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 226.594.320.000 VND. Ngày 29 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua nghị quyết phát hành 2.255.559 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện tại để tăng vốn cổ phần. Công ty đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành cổ phiếu bổ sung này. Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh vào ngày 25 tháng 7 năm 2016.

19. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2016/NQ-TAG-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2016 đã quyết định trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá từ lợi nhuận chưa phân phối. Khoản cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông trong tháng 7 năm 2016.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	102.302.509.804	107.620.789.804
Trong vòng hai đến năm năm	327.832.806.501	346.538.616.348
Sau năm năm	290.570.842.765	323.157.196.905
	720.706.159.070	777.316.603.057

(b) Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	62	1.374.345	89.001	1.910.709.848

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.830.048.289	10.782.130.092

22. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.095.743.963	976.920.450

24. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	73.924.261.590	57.148.420.699
Chi phí khấu hao	9.433.367.832	4.946.311.913
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	11.183.890.483	5.707.774.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.773.531.380	67.359.905.478
Chi phí bán hàng khác	6.235.460.594	4.586.251.165
	184.550.511.879	139.748.663.721

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.792.850.539	15.439.848.491
Chi phí khấu hao	1.278.259.452	859.940.210
Chi phí phân bổ công cụ và dụng cụ	525.021.645	260.328.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.768.413.064	3.289.299.899
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	473.776.061	309.024.333
	21.838.320.761	20.158.441.123

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	209.242.324
Lãi do thanh lý tài sản khác	-	2.568.822.706
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	-	3.481.756.296
Các khoản khác	979.047.102	444.530.091
	979.047.102	6.704.351.417

27. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	249.249.510
Các khoản bị phạt	-	3.000.000.000
Các khoản khác	306.084.173	76.507.579
	306.084.173	3.325.757.089

28. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	89.717.112.129	72.588.269.190
Chi phí khấu hao và phân bổ công cụ và dụng cụ	22.420.539.412	11.774.354.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.541.944.444	70.649.205.377
Chi phí khác	6.709.236.655	4.895.275.498

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	4.747.127.046	3.015.118.391

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.354.231.165	13.632.710.927
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.670.846.233	2.999.196.404
Chi phí không được khấu trừ thuế	76.280.813	15.921.987
	4.747.127.046	3.015.118.391

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	18.607.104.119	10.617.592.536
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-
	18.607.104.119	10.617.592.536

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	22.556.818	17.781.921
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2015	-	4.800.995
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong năm 2015	-	(11.098)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong năm 2016	2.255.559	2.255.559
	24.812.377	24.827.377

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2016	30/6/2015	30/6/2015
	VND	(điều chỉnh lại) VND	(theo báo cáo trước đây) VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	750	428	597

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

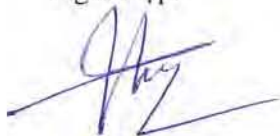
31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Các cổ đông		
Ông Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	5.123.700.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	5.123.709.000	-
Bà Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	4.837.720.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	4.837.725.000	-
Nojima Corporation		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	6.981.350.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	6.981.353.000	-
Phí tư vấn	4.203.383.646	929.861.496
Ông Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	472.900.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	472.904.000	-
Ông Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	173.990.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	173.990.000	-
Ông Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	139.530.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	139.533.000	-
Bà Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	1.012.580.000	-
Cổ tức phải trả bằng tiền	1.012.588.000	-
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Thù lao đã trả	4.624.590.082	3.000.111.941

15 -08- 2016

Người lập:



Lưu Văn Lam
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc